TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2025/DS-PT
Ngày 12-9-2025
V/v Kiện đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tân

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Vân Thúy và bà Quách Thị Phương Thuý.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Quang Bảo - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 7 năm 2025 về việc "Kiện đòi tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2025/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng (nay là Toà án nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 124/2025/QĐXXPT-DS ngày 31 tháng 7 năm 2025, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 95/TB-TA ngày 18/8/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 138/2025/QĐPT-DS ngày 28/8/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Đào Nguyên T** – sinh năm 1968, CCDS số 031068006564 và bà **Đào Thị D** – sinh năm 1969, CCCD số 031169006328; Đều cư trú tại: Thôn C, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng (địa chỉ hiện nay: Thôn C, xã V, thành phố Hải Phòng); đều có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:

+ Ông Đào Trung H- sinh năm 1966 ; nơi cư trú: Thôn F, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng (theo Giấy ủy quyền ngày 12-12-2024) (địa chỉ hiện nay: Thôn C, xã V, thành phố Hải Phòng); có mặt;

+ Ông Lưu Quý N-sinh năm 1999; nơi cư trú: Xóm G, xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng (theo Giấy ủy quyền ngày 12-12-2024) (địa chỉ hiện nay: Xóm G, thôn Q, xã V, thành phố Hải Phòng); có mặt;

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Quỳnh N1** – sinh năm 1986, CCCD số: 031186019732; nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện V, thành phố Hải Phòng (nay là thôn C, xã V, thành phố Hải Phòng); có mặt;

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông **Đào Nguyên T1**; nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng (địa chỉ hiện nay: Thôn C, xã V, thành phố Hải Phòng); có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị H1; nơi cư trú: Tổ A, Khu A, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng (địa chỉ hiện nay: Số I đường P, phường A, thành phố Hải Phòng (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 14-5-2025); có mặt.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Đào Nguyên T và bà Đào Thị D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đào Nguyên Tú.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Đào Nguyên T và bà Đào Thị D trình bày: Ông bà được Nhà nước bồi thường về đất và tài sản trên đất khi thu hồi một phần diện tích theo Quyết định của Uỷ ban nhân dân (UBND) huyện V. Ông bà được nhận số tiền bồi thường là 1.250.000.000 đồng, trong đó tiền đền bù quyền sử dụng đất là 850.000.000 đồng, tiền bồi thường tài sản trên đất là 400.000.000 đồng. Do không hiểu biết pháp luật và cán bộ xã giải thích nên ông, bà đã bàn giao 400.000.000đ cho bà N1 (cán bộ địa chính xã T) để làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất đối với phần đất còn lại. Khi bàn giao tiền, bà N1 có lập biên bản làm việc, nội dung bà Nguyễn Thị Quỳnh N1 thu hộ và nộp hộ tiền lệ phí chuyển mục đích, lệ phí trước bạ, lệ phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, tổng số tiền là 393.384.000 đồng (Ba trăm chín mươi ba triệu ba trăm tám mươi tư nghìn đồng). Số tiền 6.616.000 đồng đã đưa cho bà N1 thì vợ chồng ông bà không có văn bản nào chứng minh. Ông bà có ký vào một số văn bản trong hồ sơ do bà N1 đưa để làm thủ tục nộp hồ sơ và nộp tiền nhưng không rõ nội dung văn bản. Ngày 18-7-2023, ông T và bà N1 lập giấy uỷ quyền tại Ủy ban nhân dân xã T thể hiện nội dung: Ông Đào Nguyên T ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Quỳnh N1 thực hiện các thủ tục có liên quan tại bộ phận một cửa Ủy ban nhân dân huyện V, thay mặt ông T nộp các loại phí, lệ phí liên quan khi tiến hành thủ tục đính chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các cơ quan có thẩm quyền. Thời gian uỷ quyền đến khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông bà thấy việc làm hồ sơ chuyển mục đích quyền sử dụng đất không đúng quy định pháp luật, nên ngày 08-8-2023, vợ chồng ông bà có đơn đề nghị xin rút hồ sơ. Đến ngày 14-8-2023, bà Nguyễn Thị Quỳnh N1 đã rút lại hồ sơ tại Phòng một cửa UBND huyện V và bàn giao toàn bộ bản chính hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng đất và hồ sơ đính chính điều chỉnh biến động diện tích sau thu hồi trả cho ông bà. Hai bên thống nhất chấm dứt việc uỷ quyền theo Giấy uỷ quyền ngày 18-7-2023. Bà N1 là người đã tự ý nộp tiền vào ngân sách Nhà nước vào tháng 01/2023 và nộp tiền vào kho bạc nhà nước không đúng thủ tục. Nay ông bà khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bà Nguyễn Thị Quỳnh N1 phải trả cho ông bà số tiền 393.384.000

đồng (ba trăm chín mươi ba triệu ba trăm tám mươi tư nghìn đồng) và số tiền lãi 84.000.000 đồng (tám mươi tư triệu đồng).

Theo bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh N1 trình bày quan điểm như sau: Bà là cán bộ địa chính xã T, huyện V. Cuối năm 2022, bà được lãnh đạo xã thông báo ông T, bà D đồng ý nhận tiền bồi thường, bàn giao mặt bằng và nhờ làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, có sự chứng kiến của vợ chồng anh Đào Nguyên T1 (là con trai ông T). Vợ chồng ông T, bà D sau khi nhận tiền bồi thường đã nhờ bà làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ 160 m^2 đất vườn còn lại thành 160 m^2 đất ở. Bà có nhận tiền và có viết biên bản làm việc ngày 06-10-2022 ghi nội dung bà thu hộ và nộp hộ tiền lệ phí chuyển mục đích, lệ phí trước bạ, lệ phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận, tổng số tiền là **393.384.000** đồng (Ba trăm chín mươi ba triệu ba trăm tám mươi tư nghìn đồng). Đến ngày 18-7-2023, ông Đào Nguyên T có lập Giấy ủy quyền với nội dung ủy quyền cho bà thay mặt thực hiện các thủ tục có liên quan tại bộ phận một cửa UBND huyện V, thay mặt nộp các loại phí và lệ phí liên quan khi tiến hành thủ tục đính chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các cơ quan có thẩm quyền. Sau tiếp nhận hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất, các cơ quan chuyên môn của huyện V đã ban hành Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai số 69/PCTTĐC ngày 05-01-2016, Thông báo nộp tiền thuế chuyển mục đích sử dụng đất và Thông báo nộp tiền về lệ phí trước bạ nhà, đất của ông T, bà D. Căn cứ vào thông báo của cơ quan thuế, bà đã nộp hộ vợ chồng ông T, bà D vào ngân sách Nhà nước tổng số tiền là 388.564.000 đồng để thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng, có Giấy nộp tiền vào Kho bạc Nhà nước huyện V. Đến ngày 26-7-2023, bà có nộp hồ sơ đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T vào Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại UBND huyện V, theo đó thời gian trả kết quả vào ngày 08-9-2023. Ngày 08-8-2023, vợ chồng ông T, bà D có đơn đề nghị xin rút hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng. Sau khi rút hồ sơ tại bộ phận một cửa UBND huyện V, đến ngày 14-8-2023, bà bàn giao toàn bộ bản chính hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng và hồ sơ đính chính điều chỉnh biến động diện tích sau thu hồi cho ông Đào Nguyên T. Hai bên thống nhất chấm dứt việc uỷ quyền theo Giấy uỷ quyền ngày 18-7-2023. Số tiền còn lại là 4.820.000 đồng bà hiện đang giữ và sẽ trả lại cho ông T, bà D. Thời điểm bà nộp tiền vào ngân sách Nhà nước hộ ông Đào Nguyên T, bà Đào Thị D thì chưa có giấy uỷ quyền có chứng thực của Uỷ ban nhân dân xã mà căn cứ vào biên bản làm việc giữa hai bên ngày 06-10-2022. Việc bà nộp tiền cho ông T, bà D căn cứ theo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện V và thông báo của Chi cục Thuế khu vực T2-V. Khi bà D, ông T xin rút lại hồ sơ và xin rút tiền thì bà đã thông báo và nói rõ cho bà D, ông T về việc chưa rút lại tiền về được do đã nộp vào Ngân sách Nhà nước. Nay vợ chồng ông T, bà D khởi kiện buộc bà trả lại số tiền đã nộp vào ngân sách Nhà nước, bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc vợ chồng ông T, bà D không làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng nữa là do vợ chồng ông T, bà D xin rút lại hồ sơ, không phải lỗi của bà, bà không chiếm dụng số tiền nêu trên.

** Theo bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà anh Đào Nguyên Tú và đại diện theo uỷ quyền thống nhất trình bày:* Anh là con đẻ của ông Đào Nguyên T và bà Đào Thị D. Vào ngày 31-12-2019 UBND huyện V gửi cho gia đình anh Thông báo số 1314/TB-UBND về việc thu hồi đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối từ cầu L, xã L, huyện V đến đường bộ ven biển. Quá trình thu hồi đất để thực hiện dự án, gia đình anh đã được lập biên bản kiểm kê tài sản trên phần đất nằm trong chỉ giới thu hồi đất. Trong số tài sản được lập biên bản kiểm kê có một phần là tài sản là do anh tạo lập trong quá trình sinh sống với bố mẹ. Sau này khi nhận được Quyết định thu hồi đất số 1829/QĐ-UBND và Quyết định số 1816/QĐ-UBND ngày 31-5-2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phòng mặt bằng thì trong phương án bồi thường có chi trả cả phần tài sản của anh.

Ngày 06-10-2022, gia đình anh được nhận tiền chi trả tiền bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng. Khoảng một tuần sau, bà N1 mang rất nhiều hồ sơ giấy tờ cho bố mẹ anh ký, khi xem hồ sơ bố mẹ, anh phát hiện không phải làm hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chỉ phải đính chính diện tích còn lại sau khi thu hồi đất. Hơn nữa, trong thành phần hồ sơ có một số giấy tờ lại được phê duyệt thời gian trở về trước khi ký ủy quyền, trước cả khi có quyết định thu hồi đất. Tại thời điểm ký giấy tờ thì bà N1 không cho bố mẹ anh ghi ngày tháng. Do đó bố mẹ ông nghi ngờ và lo sợ vi phạm pháp luật nên ngày 08-8-2023 đã đề nghị bà N1 rút hồ sơ về. Ngày 14-8-2023, bà N1 làm biên bản bàn giao lại toàn bộ hồ sơ cho bố mẹ anh nhưng không trao trả lại số tiền mà bố mẹ ông đã gửi tại buổi làm việc ngày 06-10-2022.

Ngày 05-7-2024, bố mẹ anh đã gửi đơn khởi kiện đến Tòa án đòi lại tài sản là số tiền đã giao cho bà N1 và yêu cầu bồi thường do vi phạm nghĩa vụ thực hiện ủy quyền. Trong số tiền giao cho bà N1 có cả tiền của anh. Do đó anh làm đơn đề nghị: Buộc UBND huyện Vĩnh Bảo hủy Quyết định số 1440/QĐ-UBND ngày 07-5-2022 về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; Buộc Văn phòng Đ chi nhánh huyện V hủy toàn bộ hồ sơ đăng ký biến động đất đai do ban hành trái quy định; buộc Chi cục thuế khu vực V-Tiên Lãng hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2210321-TK000724/TB-CCT ngày 16-01-2023; Thông báo nộp tiền lệ phí trước bạ nhà đất số LTB2210321-TK000724/TB-CCT ngày 16-01-2023 do 02 Thông báo này trái pháp luật; buộc Ngân hàng N2 chi nhánh huyện V hủy bỏ Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước ký hiệu: C1-02/115, Mã hiệu HPH692223: số 0645199; đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị Quỳnh N1 phải trả lại cho bố mẹ anh số tiền 393.384.000 đồng và số tiền lãi là 84.000.000 đồng.

Tại Biên bản làm việc ngày 26-4-2025, Đội thuế V, cung cấp: Sau khi kiểm tra dữ liệu trên hệ thống thuế, xác định ông Đào Nguyên T đã nộp số tiền 385.000.000 đồng tiền sử dụng đất và 3.564.0000 đồng tiền phí trước bạ nhà đất, tổng cộng 388.564.000 đồng vào ngân sách Nhà nước vào ngày 18-01-2023 theo Thông báo nộp tiền về sử dụng đất số LTB2210321-TK000724/TB-CCT ngày 16-

01-2023 và Thông báo nộp tiền về lệ phí trước bạ nhà, đất số LTB2210321-TK000723/TB-CCT ngày 16-01-2023 của Chi cục thuế khu vực T2 - V.

Tại Kết luận giám định chữ ký, chữ viết số 1227/KL-KTHS ngày 21-5-2025 của Phòng K1 Công an thành phố H kết luận: "*Chữ ký, chữ viết mang tên Đào Nguyên T tại mục "Người làm đơn" trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của người mang tên Đào Nguyên T trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M8 là do cùng một người ký, viết ra".*

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2025/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng (nay là Toà án nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng) đã quyết định: Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 144, 147, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 357, 468, 562, 563, 565, 566, 567, 568 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đào Nguyên T và bà Đào Thị D: Buộc bà Nguyễn Thị Quỳnh N1 phải trả cho ông Đào Nguyên T và bà Đào Thị Duyên S tiền 4.820.000 (bốn triệu tám trăm hai mươi nghìn) đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Nguyên T và bà Đào Thị D về việc buộc bà Nguyễn Thị Quỳnh N1 phải trả toàn bộ số tiền 477.384.000 (bốn trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm tám mươi tư nghìn) đồng, trong đó: tiền gốc 393.384.000 (ba trăm chín mươi ba triệu ba trăm tám mươi tư nghìn) đồng và khoản tiền lãi 84.000.000 (tám mươi tư triệu) đồng. Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 11/6/2025, ông Đào Nguyên T và bà Đào Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đào Nguyên Tú kháng cáo toàn bộ bản án và đề nghị Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm theo hướng huỷ Bản án sơ thẩm số 18/2025/DS-ST ngày 26/5/2025, chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo (Toà án nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng) xét xử sơ thẩm lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền trình bày: Hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng đất của gia đình ông T, bà D đã có sự sai lệch, có sự tẩy xoá trong thông báo nộp tiền chuyển đổi mục đích sử dụng đất, tên người nộp tiền là Phạm Quang H2 chứ không phải Đào Nguyên T. Việc Thẩm phán chủ toạ phiên toà đã có vi phạm nghiêm trong thủ tục tố tụng khi không xác định đúng quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng uỷ quyền chứ không phải kiện đòi tài sản là không đúng. Thẩm phán chủ toạ phiên toà sơ thẩm đã sử dụng các tài liệu không chính xác để giải quyết vụ án và khi chưa tiến hành xét xử đã có bản án trong hồ sơ, đánh tráo chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Do vậy đề nghị HĐXX hủy bản án sơ thẩm, giao cho TAND khu vực 7 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm lại.

Bị đơn không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của TAND khu vực 7 – Hải Phòng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và Người đại diện theo ủy quyền trình bày: Thẩm phán chủ toạ phiên toà sơ thẩm đã có nhiều sai sót trong việc lập hồ sơ vụ án, không đưa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Đào Nguyên Tú vào tham gia tố tụng trong giai đoạn đầu, như vậy là làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh T1. Trong bản án sơ thẩm lại đánh giá về việc anh T1 không có quyền lợi, trong vụ án nên đã không xem xét những nội dung theo sự trình bày của anh T1. Đề nghị trưng cầu giám định thông báo nộp tiền lệ phí trước bạ vì có sự khác biệt về tên người nộp tiền, khi quét mã QR thì hồ sơ hiện tên ông H2 chứ không phải ông T. Cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét tuyên bố huỷ bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo và chuyển hồ sơ cho Toà án cấp sơ thẩm là Toà án khu vực 7 - Hải Phòng giải quyết lại từ đầu theo thủ tục sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên toà để bổ sung tài liệu chứng cứ, làm việc với cơ quan ban hành thông báo nộp tiền chuyển đổi mục đích sử dụng đất để xác minh về nội dung có sự khác biệt về tên người nộp tiền trong thông báo nộp tiền chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các đương sự kháng cáo trong thời hạn quy định tại Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của các đương sự, HĐXX xét thấy: Tại Biên bản làm việc ngày 06/10/2022 Tổ công tác xã T đã làm việc với ông Đào Nguyên T và vợ là bà Đào Thị D về việc bồi thường dự án cầu L, và đã thống nhất với ông T và bà D về việc nhận tiền và bàn giao mặt bằng cho UBND xã; UBND xã và huyện có trách nhiệm lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất, hồ sơ đính chính trang 4 sau thu hồi đất phục vụ giải phóng mặt bằng. UBND xã đã giao cho bà Nguyễn Quỳnh N1 thu hộ và nộp tiền phí chuyển mục đích, lệ phí trước bạ, lệ phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng số tiền là 393.384.000 đồng. Đến ngày 18-7-2023, ông T và bà Nguyễn Thị Quỳnh N1 lập giấy uỷ quyền tại Ủy ban nhân dân xã T thể hiện nội dung: Ông Đào Nguyên T uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị Quỳnh N1 thực hiện các thủ tục có liên quan tại bộ phận một cửa Ủy ban nhân dân huyện V, thay mặt ông T nộp các loại phí, lệ phí liên quan khi tiến hành thủ tục đính chính giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất tại các cơ quan có thẩm quyền. Thời gian uỷ quyền đến khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đây là hợp đồng uỷ quyền để thực hiện công việc, giữa bên uỷ quyền là ông T và bên nhận uỷ quyền là bà N1, trong hợp đồng uỷ quyền hai bên không thoả thuận về thù lao, việc uỷ quyền giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, được lập thành văn bản có chứng thực tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên hợp đồng uỷ quyền có hiệu lực pháp luật. Do gia đình ông T đề nghị rút lại hồ sơ và bà N1 đã thực hiện trả lại toàn bộ hồ sơ gốc cho gia đình ông T đồng thời hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng ủy quyền, do vậy Hợp đồng ủy quyền chấm dứt. Ông T khởi kiện đòi tiền bà N1 nên cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là đúng.

[2.2] Nguyên đơn kháng cáo và có nhiều đơn tố cáo cho rằng: Cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Ra bản án trước khi xét xử công khai bản án; đánh tráo tài liệu, chứng cứ sau khi đã kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ; sử dụng, giả mạo tài liệu trong xét xử. Tiếp tay bao che cho UBND huyện V, UBND xã T, cơ quan thuế, Ngân hàng A chi nhánh huyện V sử dụng tài liệu giả mạo, cắt ghép, tẩy xoá tên của người khác để thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật trong việc quản lý nhà nước về đất đai, quản lý việc thu hồi đất, bồi thường, tái tịnh cư trong khi tiến hành thụ lý giải quyết vụ án. Kết luận trong bản án, quyết định không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án, không đúng diễn biến, kết quả tranh tụng tại phiên toà. HĐXX phúc thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện hồ sơ vụ án và xác định cấp sơ thẩm đã thu thập chứng cứ và chứng minh theo đúng quy định tại Chương VII của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.3] Đối với việc tham gia vụ án của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân cấp sơ thẩm đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 12/3/2025, tại phiên họp các đương sự không có ý kiến triệu tập thêm người tham gia tố tụng, trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử anh Đào Nguyên T1 không có yêu cầu tham gia tố tụng và không đưa yêu cầu độc lập. Trong quá trình xét xử anh Đào Nguyên T1 mới có đơn yêu cầu tham gia phiên toà với tư cách tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tuy nhiên, Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét và nhận định các yêu cầu của anh T1 không liên quan đến việc giải quyết vụ án nên anh T1 không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, nhưng phần quyết định lại tuyên quyền kháng cáo đối với anh T1 và thông báo nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh T1 là chưa đúng theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy anh T1 không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, nên không có quyền kháng cáo đối với bán án sơ thẩm, do vậy HĐXX không xem xét giải quyết nội dung kháng cáo của anh T1.

[2.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự, đại diện VKSND thành phố Hải Phòng đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để xác minh, lập biên bản với cơ quan ban hành thông báo nộp tiền chuyển đổi mục đích sử dụng đất làm rõ về nội dung có sự khác biệt về tên người nộp tiền trong thông báo nộp tiền chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Trưng cầu giám định đối với phiếu nộp tiền. HĐXX xét thấy: Tại phiên tòa đại nguyên đơn xuất trình Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà

nước ghi rõ tên Người nộp thuế: Đào Nguyên T, thôn C xã T, huyện V, có mã số thuế 8277876779, nội dung nộp tiền đất được nhà nước giao, lệ phí trước bạ, tổng số tiền 388.564.000đ, có dấu vuông đỏ của Ngân hàng A CN. H Vĩnh Bảo (ĐÃ THU TIỀN). Như vậy, có thể khẳng định số tiền của gia đình ông T, bà D đã được nộp vào ngân sách nhà nước thông qua Ngân hàng A chi nhánh V. Việc ghi tên người có tên là Phạm Quang H2 cũng không làm thay đổi bản chất thật đối với người nộp tiền là ông Đào Nguyên T, nên việc trưng cầu giám định làm rõ phiếu thông báo nộp tiền và làm việc với các cơ quan ban hành thông báo nộp tiền là không cần thiết.

[2.5] Về nội dung tranh chấp: Ông T bà D khai là đã đưa cho bà Duyên số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) nhưng không có căn cứ chứng minh đã đưa đúng số tiền như trên. Bà Như K thừa nhận số tiền đã nhận từ ông T, bà D là 400.000.000đ, thực tế chỉ là số tiền 393.384.000đ. Lời khai của bà N1 phù hợp với biên bản làm việc ngày 06/10/2022 thể hiện ông T, bà D đưa số tiền Nguyễn Thị Quỳnh N1 thu hộ và nộp hộ tiền lệ phí chuyển mục đích, lệ phí trước bạ, lệ phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận, tổng số tiền là 393.384.000 đồng (Ba trăm chín mươi ba triệu ba trăm tám mươi tư nghìn đồng). HĐXX đã xác định số tiền các bên tranh chấp là 393.384.000 đồng là có căn cứ. Khi thực hiện việc uỷ quyền bà N1 đã tiến hành các thủ tục nộp vào ngân sách Nhà nước tổng số tiền là 388.564.000 đồng để thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng, có Giấy nộp tiền vào Kho bạc Nhà nước huyện V. Đến ngày 26/7/2023, bà có nộp hồ sơ đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T vào Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại UBND huyện V, theo đó thời gian trả kết quả vào ngày 08/9/2023. Ngày 08/8/2023, vợ chồng ông T, bà D có đơn đề nghị xin rút hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng. Sau khi rút hồ sơ tại bộ phận một cửa UBND huyện V, đến ngày 14/8/2023, bà bàn giao toàn bộ bản chính hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng và hồ sơ đính chính điều chỉnh biến động diện tích sau thu hồi cho ông Đào Nguyên T. Hai bên thống nhất chấm dứt việc uỷ quyền theo Giấy uỷ quyền ngày 18/7/2023. Số tiền còn lại là 4.820.000 đồng bà hiện đang giữ và sẽ trả lại cho ông T, bà D. Việc đơn phương chấm dứt giao dịch uỷ quyền của ông T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 569 của Bộ luật dân sự tuy nhiên ông T vi phạm quy định về phải báo trước cho được uỷ quyền một thời gian hợp lý. Đây là hợp đồng uỷ quyền không có thù lao, việc bên được uỷ quyền đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình, ông T không có căn cứ chứng minh bà N1 đã vi phạm nghĩa vụ của người được uỷ quyền nên bà N1 không có nghĩa vụ phải trả lại cho ông T số tiền đã nộp vào ngân sách nhà nước. Số tiền còn thừa bà N1 đang giữ thì phải trả lại cho ông T, bà D. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm, không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mà chỉ có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện buộc bà N1 trả lại cho ông T, bà D số tiền 4.820.000 đồng. Việc nhận định của Toà án cấp sơ thẩm khi xem xét yêu cầu khởi kiện và đánh giá các tài liệu chứng cứ đã đảm bảo khách quan toàn diện có căn cứ pháp luật.

[3] Từ phân tích trên, HĐXX phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của các đương sự, giữ nguyên bản án dân sự số thẩm số 18/2025/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân

dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng (nay là Toà án nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng).

[4] Về án phí: Người kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả anh Đào Nguyên T1 tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 4 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử:Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn ông Đào Nguyên T, bà Đào Thị D. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2025/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng (nay là Toà án nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng) về việc Tranh chấp kiện đòi tài sản.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Đào Nguyên T và bà Đào Thị D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm với số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Hải Phòng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0009685 ngày 19/6/2025.

Trả lại cho anh Đào Nguyên Tú số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Hải Phòng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0009686 ngày 19/6/2025.

3. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- THADS TP Hải Phòng;
- Phòng TT,KTNV&THA TAND TP Hải Phòng;
- TAND khu vực 7 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 7 - Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Minh Tân